TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **460**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 506/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1993; số căn cước: 046093016751; địa chỉ: 4 A, phường K, thành phố H.

2. Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 2000; số CCCD: 046300010158; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận P, thành phố H (nay là UBND phường K, thành phố H) vào ngày 28/03/2025. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, xích mích, cãi vã. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hòa hợp. Từ tháng 02 năm 2026, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H.

[2] Về con chung: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H xác nhận có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/02/2026; hiện nay cháu C đang ở với chị H. Khi ly hôn anh T và chị H thỏa thuận giao cháu C cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; Anh Lê Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Ngọc Bảo C trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002206 ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị H đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 19/02/2026 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; Hiện nay cháu C đang ở với chị H. Anh Lê Ngọc T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Ngọc Bảo C trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành

án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Ngọc T và chị Phạm Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Ngọc T và Phạm Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002206 ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36, Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường Kim Long, TP. Huế;
(GCNKH số: 16, ngày 28/03/2025);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng